

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HS-ST.
Ngày 09 -11 - 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Thùy Trang.

Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kho - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HS đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1993 tại T, Long An; Nơi cư trú: Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp VB, xã V, huyện T, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: Ấp VB, xã V, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị N; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại điều tra, cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số 60, đường N, khu phố 1, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Ấp VB, xã V, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ấp VB, xã V, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

Ông Nguyễn Tấn Phát, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Số 06, đường Đ, khu phố 4, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKSKT ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 28/6/2018 Lê Văn T đi bộ trên đường 30/4 thuộc khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An. Khi đến trước Ngân hàng BIDV, T thấy cửa cổng ngân hàng hở, nên T đã nảy sinh ý định vào trong trộm cắp tài sản, T đẩy cửa đi vào trong đến nhà để xe của nhân viên ngân hàng thì thấy có nhiều xe mô tô, trong đó có xe mô tô biển kiểm soát 62N1-5557, hiệu Honda Wave màu đỏ đen của Đặng Thị Hồng Th, sinh năm: 1987, ngụ số 60, đường N, khu phố 1, phường 2, thị xã K có gắn sẵn chìa khóa, T đến lấy xe dẫn ra ngoài, một mình điều khiển xe vừa lấy được chạy sang Campuchia cầm cho người tên Chi Na với giá 6.000.000 đồng và dùng số tiền này vào Casino Dalin đánh bạc thua hết. Đối với bà Đặng Thị Hồng Th khoảng 07 giờ 10 phút ngày 28/6/2018 đi làm thì phát hiện bị mất tài sản nên trình báo Công an. Ngày 18/7/2018 Lê Văn T đến Công an thị xã K để tự thú và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật không thu giữ được: 01 xe mô tô hiệu Honda biển kiểm soát số: 62N1-5557, có số khung: 3189Y-144319, số máy: C43E-07000880.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 29/KL-HĐ-ĐGTS ngày 21/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thị xã K, xác định 01 xe hiệu mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát số: 62N1-5557, có số khung: 3189Y-144319, số máy: C43E-07000880 đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 5.397.000 đồng.

Tại phiên tòa qua phần thẩm tra các chứng cứ Kiểm sát viên phát biểu quan điểm kết luận về vụ án và đề nghị xử lý vụ án như sau:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Văn T cùng gia đình đã thỏa thuận bồi thường cho bà Th 10.000.000 đồng, bà Th đã nhận đủ 10.000.000 đồng không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn T có thể phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng bị cáo sống nghề làm ruộng thu nhập không ổn định nên đề nghị miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Lời trình bày của bị hại vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị N trình bày bị cáo T là con ruột nên có đưa 10.000.000 đồng bồi thường thiệt hại cho bà Th xong, không yêu cầu bị cáo T hoàn trả lại tiền. Yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay, được đối chiếu với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản định giá tài sản, lời khai của người bị hại, người tham gia tố tụng và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Bị cáo Lê Văn T biết rõ tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ khi có hành vi trái pháp luật xâm phạm, nhưng bị cáo T lợi dụng sự mất cảnh giác của bà Th đã rắp tâm thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt trót lọt chiếc xe hiệu mô tô biển kiểm soát số 62N1-5557 chạy sang Campuchia cầm được 6.000.000 đồng vào Casino Dalin đánh bạc nhằm thỏa mãn mục đích cá nhân.

[3] Trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 5.397.000 đồng.

[4] Như vậy, đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận rằng hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã K truy tố bị cáo T ra Tòa là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn T là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bà Th, mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây xôn xao dư luận trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo T bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới giáo dục bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội sau này; Đồng thời trấn áp tình hình tội phạm trộm cắp đang tăng trên địa bàn thị xã và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo Lê Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, mà có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bồi thường thiệt hại; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội tự thú; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại các Điểm b, h, i, r, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt, người bị hại có đơn xin bãi nại. Đây là tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặc khác bị cáo chưa tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và xét thấy nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, bị cáo Lê Văn T có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày

15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo với thời gian dài thử thách, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa tuy bà Th vắng mặt nhưng theo hồ sơ vụ án, bị cáo Lê Văn T cùng gia đình đã thỏa thuận bồi thường cho bà Th 10.000.000 đồng, bà Th đã nhận đủ 10.000.000 đồng không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi phạm tội của bị cáo T có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng xét thấy bị cáo sống nghề làm thuê thu nhập không ổn định nên miễn phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

[9] Đối với người tên Chi Na mà T khai cầm xe với giá 6.000.000 đồng nhưng không biết tên và địa chỉ, vụ việc giao dịch xảy ra bên nước bạn Campuchia nên không có cơ sở xem xét về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[10] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

[11] Theo quy định buộc bị cáo T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09 tháng 11 năm 2018).

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp Lê Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tiếp tục cấm bị cáo Lê Văn T đi khỏi nơi cư trú để đảm bảo công tác thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người liên quan báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- Bị cáo, bị hại;
- Đội CSTHAHS và hỗ trợ tư pháp;
- Thi hành án phạt tù.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

